TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 29.10.2021
V/v "Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thái Lan.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Ly và bà Đậu Thị Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tân – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Lê Minh Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2021/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc *"Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Đặng Thị H**, sinh năm 1953; Có mặt.

Địa chỉ: 10/9B khóm N, phường PT, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn V,** sinh năm 1954; có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Khu phố 2, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Trần S, sinh năm 1961; ông Trần T, sinh năm 1960; ông Trần P, sinh năm 1957; ông Đặng V, sinh năm 1963; ông Phạm Đ, sinh năm 1953; ông Nguyễn K, sinh năm 1962; Cùng trú tại: Thôn P, xã Hòa T, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Ông Đặng Văn T, sinh năm 1952; Địa chỉ: Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày: Năm 1987, bà Đặng Thị H và ông Nguyễn V (khi đó là vợ chồng) có mua nhà ở thôn L, xã TĐ, Đ, Phú Yên theo diện nhà hóa giá của Nhà nước. Khi đó, trên đất có các cây ăn quả, gồm: 27 cây dừa, 03 cây sapoche, 02 cây mãng cầu, 08 cây xoài, 03 cây vú sữa, 04 cây ô mai, 01 cây bơ. Trong quá trình chung sống, bà H có trồng thêm 01 cây khế. Năm 1996, bà H, ông V ly hôn. Tại Bản án hôn nhân gia đình số 20 ngày 25/10/1996 của Tòa án nhân dân huyện T, giao cho ông V sở hữu nhà, không giao đất và cây trên đất. Từ khi ly hôn năm 1996, ông V gặp bà Phạm Thị L, hai người sống chung trên căn nhà này, đồng thời quản lý và thu hoạch các loại cây và H hoa lợi. Đến năm 2001, ông V, bà L bán căn nhà cho ông Đặng Văn Mãng và tự ý bán luôn cả số cây ăn quả nói trên. Yêu cầu ông Nguyễn V và bà Phạm Thị L liên đới chịu trách nhiệm phải trả ½ giá trị toàn bộ số cây ăn quả, cụ thể như sau:

Giá trị cây ăn quả: 08 cây xoài x 1.000.000đ/cây = 8.000.000đ; 03 cây sapoche x 250.000đ/cây = 750.000đ; 02 cây mãng cầu x 150.000đ/cây = 300.000đ; 03 cây vú sữa 250.000đ/cây = 750.000đ; 04 cây ô mai x 160.000đ/cây = 640.000đ; 01 cây khế x 200.000đ/cây 200.000đ; 01 cây bơ x 250.000đ/cây = 250.000đ; 27 cây dừa x 450.000đ/cây = 12.150.000đ. Tổng cộng: 23.040.000 đồng.

Giá trị hoa lợi của số cây nói trên tính từ năm 1996 (năm ly hôn) đến năm 2001 (bán nhà cho ông Mãng) là 05 năm với giá như sau:

+ 08 cây xoài x 5kg/năm x 5 năm x 5.000đ/kg = 1.000.000đ;

+ 03 cây sapoche x 15kg/năm x 5 năm x 5.000đ/kg = 1.125.000đ;

+ 02 cây mãng cầu x 5 năm x 5kg/năm x 5.000đ/kg = 250.000đ (chỉ yêu cầu 150.000đ);

+ 03 cây vú sữa x 20kg/năm x 5 năm x 3.000đ/kg = 900.000đ;

+ 01 cây bơ x 5 năm x 40kg/năm x 5.000đ/kg = 1.000.000đ;

+ 27 cây dừa x 5 năm x 200trái/năm x 3.000đ/trái = 81.000.000đ;

Tổng hoa lợi: 85.175.000đồng. Yêu cầu ông V phải trả 40% giá trị là 34.070.000 đồng.

Tổng cộng giá trị cây và hoa lợi là: 11.520.000đồng + 34.070.000 đồng = 45.490.000đồng (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng). Yêu cầu ông V và bà L liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà H tổng cộng số tiền 45.590.000đồng. Ngoài ra, yêu cầu ông V trả lại 1.000.000đ tiền xem xét, thẩm định và định giá tài sản.

- Các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn V trình bày:

Ông V và bà H kết hôn vào năm 1987. Ông V và bà H có mua căn nhà hóa giá do Nhà nước bán. Năm 1996, ông V và bà H ly hôn. Hai bên đã thống nhất giao nhà, đất cùng toàn bộ cây ăn quả cho ông V sở hữu, sử dụng và bà H nhận giá trị chênh lệch tài sản. Khi đó, cây trồng trên đất có một số cây dừa (không nhớ rõ bao nhiêu cây), 01 cây khế, 01 cây bơ, 02 cây xoài, 01 cây sapoche. Trong quá trình sử dụng do thiên tai bão lụt làm đổ ngã hư hỏng và ông chặt bỏ để đào ao nuôi cá. Năm 2001, ông V bán nhà chuyển nhượng đất và bán toàn bộ cây nói trên cho ông Đặng Văn T, nhưng ông M là em ruột đứng ra giao tiền và ký hợp đồng. Nay bà H yêu cầu ông V trả lại số cây ăn quả và hoa lợi thu được từ

cây, ông V không đồng ý vì số cây đó đã thuộc quyền sở hữu của ông theo quyết định của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L trình bày: Ông V và bà H ly hôn vào năm 1996 đã phân chia tài sản như thế nào bà L không biết. Năm 1997, ông V, bà L gặp nhau và sống chung trong nhà này, bà L có thấy một số cây ăn trái nhưng không nhớ rõ là cây gì. Đến năm 2001, ông V bán nhà cho ông Đặng M. Việc bà L có ký vào các giấy tờ giao dịch mua bán nhà và giấy nhận tiền là do ông Mãng yêu cầu bà ký vì bà ở trong căn nhà này, chứ thực tế bà L không có nhận tiền và sử dụng số tiền này. Vì tài sản này là riêng của ông V, do đó không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

- Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, 24 và 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị H. Buộc ông Nguyễn V trả cho bà Đặng Thị H số tiền là 37.072.500 đồng *(Ba mươi bảy triệu không trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).*

2. Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị H yêu cầu bị đơn ông Nguyễn V phải trả giá trị hoa lợi thu được số tiền 8.517.500đồng.

Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Phạm Thị L phải liên đới cùng ông Nguyễn V trả số tiền 37.072.5000đồng cho bà Đặng Thị H.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, chi phí định giá tài sản và thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

- Ngày 074/2021, nguyên đơn bà Đặng Thị H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 10/4/2021 bị đơn ông Nguyễn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Đặng Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông Nguyễn V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn V, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông V phải trả cho bà H ½ giá trị 07 cây dừa, 02 cây xoài, 01 cây khế là 2.675.000đồng và 30% hoa lợi trong 5 năm là 7.083.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị H và bị đơn ông Nguyễn V:

[1.1] Năm 1987, bà H và ông V được Nhà nước quyết định cho phép mua nhà hóa giá có diện tích xây dựng 138,58m^2 gắn liền diện tích đất 2271m^2 với số tiền 112.214đ,20 tại thôn L, xã TĐ, huyện T (nay là thị xã Đ) tỉnh Phú Yên. Tại Hợp đồng mua bán nhà hóa giá thể hiện tiện nghi trang thiết bị gồm số cây ăn quả có 27 cây dừa lớn và nhỏ, 03 cây sapoche, 02 cây mãng cầu, 08 cây xoài, 03 cây vú sữa, 04 cây ô mai, 01 cây bơ và trong quá trình chung sống, bà H có trồng thêm 01 cây khế do đó có căn cứ xác định số cây ăn trái trên là tài sản chung của bà H, ông V có được trong thời kỳ hôn nhân. Năm 1996, bà H và ông V ly hôn, tại Bản án hôn nhân gia đình số 20/HNGĐST ngày 25/10/1996, Tòa án nhân dân huyện T(nay là TAND TX Đ) đã công nhận sự thỏa thuận của bà H, ông V về việc chia tài sản chung, theo đó ông V có nghĩa vụ trả chênh lệch tài sản cho bà H 53 chỉ vàng y để nhận sở hữu ngôi nhà do Nhà nước hóa giá nói trên và một số vật dụng khác.

[1.2] Đối với 27 cây dừa lớn và nhỏ, 03 cây sapoche, 02 cây mãng cầu, 08 cây xoài, 03 cây vú sữa, 04 cây ô mai, 01 cây bơ, 01 cây khế, khi ly hôn bà H và ông V không thỏa thuận phân chia. Bà H cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng chưa chia, năm 2001 ông V bán nhà đất cho ông Đặng Văn T đã bán luôn toàn bộ số cây ăn quả mà không có sự đồng ý của bà nên yêu cầu ông V phải trả cho bà ½ giá trị cây trồng gồm 08 cây xoài x 1.000.000đ/cây = 8.000.000đ; 03 cây sapoche x 250.000đ/cây = 750.000đ; 02 cây mãng cầu x 150.000đ/cây = 300.000đ; 03 cây vú sữa 250.000đ/cây = 750.000đ; 04 cây ô mai x 160.000đ/cây = 640.000đ; 01 cây khế x 200.000đ/cây 200.000đ; 01 cây bơ x 250.000đ/cây = 250.000đ; 27 cây dừa x 450.000đ/cây = 12.150.000đ. Tổng cộng: 23.040.000đồng : 2 = 11.520.000đồng. Lời khai ông V thì cho rằng trước khi ly hôn với bà H vợ chồng có đào ao nuôi cá trong lúc làm đã chặt một số cây trồng trên đất và khi ly hôn ông đã thối chênh lệch tài sản cho bà H 53 chỉ vàng y bao gồm giá trị nhà trong đó có cây ăn trái và tại thời điểm mua nhà hóa giá ông không được Nhà nước cho mua hóa giá đất và cây ăn quả trên đất nên không đồng ý với yêu cầu của bà H.

[1.3] Căn cứ Hợp đồng mua bán nhà hóa giá ngày 15/2/1987, Bản án hôn nhân gia đình số 20/HNGĐST ngày 25/10/1996 của Tòa án nhân dân huyện T(nay là TAND TX Đ) việc bà H yêu cầu chia tài sản sau ly hôn đối với 27 cây dừa, 03 cây sapoche, 02 cây mãng cầu, 08 cây xoài, 03 cây vú sữa, 04 cây ô mai, 01 cây bơ, 01 cây khế là có cơ sở xem xét tuy nhiên kể từ thời điểm mua nhà hóa giá năm 1987 đến năm 2001 giữa bà H và ông V không có văn bản hoặc chứng cứ nào xác định số lượng cây ăn quả còn tồn tại trên đất là bao nhiêu cây, ai là người quản lý. Năm 2001 ông V bán nhà đất cho ông Đặng Văn T , ông Đặng M là em ruột ông T đứng ra ký hợp đồng, ông M thừa nhận ông V bán nhà cho ông T có bán luôn phần cây ăn quả có một số loại cây nhưng không nhớ rõ, bên cạnh đó hợp đồng giao dịch giữa hai bên cũng không thể hiện mua bán loại cây gì, số lượng,

giá trị mua bán là bao nhiêu. Vào năm 2011, Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị H và ông Đặng M ghi nhận trên đất có 07 cây dừa có trái, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 21/7/2017 của TAND huyện Đ xác định chỉ còn có 02 cây dừa, 02 cây xoài, 01 cây khế. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên chỉ có cơ sở công nhận tài sản cây ăn quả của bà H và ông V chưa chia là 07 cây dừa x 450.000đồng/cây, 02 cây xoài x 1.000.000đồng/cây, 01 cây khế x 200.000đồng/cây có tổng giá trị 3.100.000đồng. Bà H và ông V được H ½ giá trị là 1.550.000đồng.

[1.4] Đối với việc bà H yêu cầu ông V phải trả cho bà 40% giá trị hoa lợi thu được trong 05 năm từ năm 1996 đến năm 2001 theo mức giá 08 cây xoài x 5kg/năm x 5 năm x 5.000đ/kg = 1.000.000đ; 03 cây sapoche x 15kg/năm x 5 năm x 5.000đ/kg = 1.125.000đ; 02 cây mãng cầu x 5 năm x 5kg/năm x 5.000đ/kg = 250.000đ (chỉ yêu cầu 150.000đ); 03 cây vú sữa x 20kg/năm x 5 năm x 3.000đ/kg = 900.000đ; 01 cây bơ x 5 năm x 40kg/năm x 5.000đ/kg = 1.000.000đ; 27 cây dừa x 5 năm x 200trái/năm x 3.000đ/trái = 81.000.000đ. Tổng cộng: 85.175.000đồng x 40% = 34.070.000 đồng, thấy rằng thời điểm sau ly hôn từ năm 1996 đến năm 2001 giữa bà H, ông V không có sự thỏa thuận hoặc văn bản xác định về số lượng, độ tuổi cây, ai là người có trách nhiệm chăm sóc quản lý thu hoạch cây ăn quả trong khi năng suất hoa lợi của cây trồng phụ thuộc thổ nhưỡng đất đai, điều kiện chăm sóc, điều kiện khí hậu. Ông V cho rằng ông không quản lý cây trồng cũng như không thu hoa lợi từ cây trồng làm nguồn sinh sống nhưng bà H lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh số hoa lợi mà ông V đã thu được trong từng năm tại thời điểm yêu cầu do đó không có cơ sở buộc ông V phải chia khoản hoa lợi thu được cho bà. Việc Tòa cấp sơ thẩm xác định hoa lợi thu được trong 5 năm với số tiền 85.175.000đồng căn cứ theo biên bản xác minh ngày 02/10/2019 của Phòng nông nghiệp và PTNT huyện Đ để buộc ông V phải trả cho bà H 30% giá trị hoa lợi là không có cơ sở và không phù hợp pháp luật.

[1.5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị H và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn V sửa bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn V phải trả cho bà Đặng Thị H ½ giá trị cây ăn quả số tiền là 1.550.000đồng và không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc ông V trả giá trị hoa lợi thu được số tiền 34.070.000đồng

[2] Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

- Bà Đặng Thị H là hộ nghèo nên miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

- Ông Nguyễn V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị H; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn V; Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 256 BLDS Điều 12, 24 và 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H. Buộc ông Nguyễn V trả cho bà Đặng Thị H số tiền là 1.550.000đồng*(Một triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng).*

2. Bác yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị H yêu cầu bị đơn ông Nguyễn V phải trả giá trị cây trồng 21.490.000đồng*(Hai mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng)* và giá trị hoa lợi thu được số tiền 34.070.000đồng*(Ba mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi ngàn đồng).*

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Bà Đặng Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Ông Nguyễn V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001516 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND thị xã Đ;
- Chi cục THADS TX.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thái Lan